

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:171/2019/HS-ST

Ngày: 26-11-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ước;
2. Ông Phan Ngọc Hoà.

***-Thư ký phiên tòa:***Ông Đoàn Văn Chiến–Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên:**Tô N**; sinh ngày 23 tháng 6 năm 2000; nơi sinh: tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nơi ở: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Chăm; giới tính: nam; tôn giáo: Hồi giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y S, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1976; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất, nhỏ nhất sinh năm 2002; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 30/7/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Có mặt)*

***-Bị hại:***

1. Bà Phạm Thúy N, sinh năm 1963, nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

2.Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1995, nơi cư trú: đường P, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Chị Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1987; nơi cư trú: đường Y, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

2. Chị Bùi Nguyễn Hạ V, sinh năm 1992; nơi cư trú: đường P, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*)

3. Anh Trương Công D, sinh năm 1982; nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2019, Tô N từ tỉnh Bình Phước lên thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng sống lang thang không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, N đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ. Quá trình điều tra, xác định như sau:

*Lần 1:* Khoảng 03 giờ ngày 09/7/2019, N đi bộ đến quán trà sữa K của bà Phạm Thúy N ở đường P, phường G, thành phố Đ thấy quán đóng cửa nên N leo qua ô cửa thông gió phía trên cửa chính đột nhập vào bên trong, đến quầy thu ngân lấy trộm được số tiền 2.700.000đồng rồi tẩu thoát. Số tiền này N đã tiêu xài hết.

Bị hại: Bà Phạm Thúy N bị chiếm đoạt số tiền 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng, bà N không yêu cầu bồi thường số tiền trên.

*Lần 2:* Khoảng 20 giờ, ngày 29/7/2019, N đi bộ đến trước cửa tiệm Q ở đường P, phường C, thành phố Đ phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số: 49B1-41256 của chị Nguyễn Thị Bích P để trước nhà, chìa khóa vẫn cắm trên xe, quan sát xung quanh thấy không có ai trông coi, N lấy xe nổ máy chạy về quán internet ở đường P, phường G, thành phố Đ, mở cốp xe thấy có 01 túi giả da màu hồng bên trong có số tiền 80.000 đồng nên lấy số tiền này vào quán chơi game hết. Sau đó, N lên facebook nhắn tin với chị P yêu cầu đến quán A để chuộc xe. Chị P đã đến cơ quan Công an trình báo. N bị bắt giữ cùng tang vật là 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số: 49B1-41.256; 01 túi giả da màu hồng và số tiền 277.000 đồng.

Bị hại: chị Nguyễn Thị Bích P bị chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số: 49B1-41.256 và số tiền 80.000 (tám mươi nghìn) đồng. Tại bản kết luận định giá ngày 11/9/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận trị giá chiếc xe mô tô trên là 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Chị P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra còn xác định ngoài 02 lần trộm cắp trên, N còn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, ngày 24/10/2019, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N về các hành vi trộm cắp sau:

Ngày 04/6/2019, N đột nhập vào quán cà phê M ở đường P, phường G, thành phố Đ lấy trộm của chị Nguyễn Quỳnh T được 08 cây thuốc lá và 01 điện thoại di động hiệu Samsung S3600 màu đen có tổng trị giá là 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng. Số thuốc lá này N đã bán cho một quán tạp hóa trên đường P được 800.000 đồng và đã tiêu xài hết. Còn điện thoại Samsung S3600 màu đen đã bị mất không thu hồi được.

Tiếp đến, ngày 10/6/2019, N tiếp tục đột nhập vào quán cà phê M nói trên lấy trộm của chị Nguyễn Quỳnh T được 07 cây thuốc lá và 01 điện thoại di động hiệu

Nokia màu đen bạc có tổng trị giá 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng. Số thuốc lá này N đã bán cho chị Bùi Nguyễn Hạ V là chủ quán tạp hóa V ở đường P, phường G, thành phố Đ được số tiền 700.000 đồng, còn chiếc điện thoại N đã bán cho anh Trương Công D là chủ tiệm điện thoại M ở đường N, phường B, thành phố Đ được 200.000 đồng, toàn bộ số tiền trên N đã tiêu xài hết. Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị T không có yêu cầu gì về bồi thường đối với bị cáo.

Ngày 19/7/2019, N đột nhập vào quán trà sữa K ở đường P, phường G, thành phố Đ lấy trộm của bà Phạm Thúy N số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Đến ngày 28/7/2019, N tiếp tục đột nhập vào quán trà sữa nói trên lấy trộm của bà Phạm Thúy N số tiền 277.000 (hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 277.000 (hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng từ bị cáo và đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền này cho bà N, bà N không yêu cầu gì thêm.

Đối với chị Bùi Nguyễn Hạ V và anh Trương Công D là những người đã mua lại thuốc lá và điện thoại của N. Quá trình điều tra xác định khi mua chị V và anh D đều không biết đây là tài sản do N trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với chị V và anh D.

Cáo trạng số 166/CT-VKS ngày 06/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Tô N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo Tô N. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 - 24 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị P, người liên quan chị T, chị V có đơn xin xét

xử vắng mặt; bị hại bà N, người liên quan anh D vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Tháng 3/2019, bị cáo Tô N từ tỉnh Bình Phước lên thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng sống lang thang và không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, bị cáo N đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Đ. Trong đó xác định 02 lần bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng, cụ thể: Khoảng 03 giờ sáng ngày 09/7/2019, bị cáo đã đột nhập vào quán trà sữa của bà N trên đường P, phường G, thành phố Đ lấy trộm số tiền 2.700.000 đồng và đã tiêu xài hết. Tiếp đến, khoảng 20 giờ ngày 27/9/2019, lợi dụng sơ hở của chị P khi đang để xe trước nhà ở đường P, phường C, thành phố Đ, không có người trông coi, bị cáo đã lén lút lấy trộm của chị P chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số: 49B1-41.256 trị giá 19.500.000 đồng cùng số tiền 80.000 đồng trong cốp xe. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của 02 bị hại là 22.280.000 (hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo Tô N thực hiện nói trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Bản thân bị cáo là người là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động làm ăn chân chính mà lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện nhiều lần là thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Việc bị cáo bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo:

Bị cáo phạm tội 02 lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm skhoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà N không yêu cầu bị cáo bồi thường, chị P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số: 49B1-41.256 cho chị Nguyễn Thị Bích P, trả lại số tiền 277.000 (hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng cho bà Phạm Thuý N mà bị cáo đã lấy trộm của bà N là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét tiếp.

[8] Trong vụ án này, có chị Bùi Nguyễn Hạ V và anh Trương Công D là những người đã mua lại thuốc lá và điện thoại của bị cáo N. Quá trình điều tra xác định khi mua chị V và anh D đều không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với chị V và anh D.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Tô N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm skhoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Tô N 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2019.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại bà N, chị P, người liên quan chị T, chị V, anh D vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

**Lê Thị Lệ Quyên**